TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2019/DS-PT
Ngày: 11 - 9 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 911/2019/QĐPT - DS ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1955 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T:* Ông Lê Văn Hữu H, sinh năm 1955 *(Theo văn bản ủy quyền số 3349, quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/04/2018)*;*(có mặt);*

Địa chỉ: Phường A, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Bà Đào Thị G, sinh năm 1945 *(chết ngày 23/12/2016)*.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà G:

2.1/- Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1938 *(có mặt);*

Địa chỉ: khu phố 3, phường B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn I: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981 *(theo văn bản ủy quyền đề ngày 08/7/2019)*; *(có mặt);*

Địa chỉ: Phường C, TP. Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2.2/- Ông Huỳnh Tuyết M, sinh năm 1967 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: khu phố 3, phường B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2.3/- Bà Huỳnh Tuyết T1, sinh năm 1972 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2.4/- Bà Huỳnh Tuyết V, sinh năm 1969 *(vắng mặt);*

Quốc tịch: Cộng hòa liên bang Đức.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà T1, bà V: Ông Huỳnh Văn I, sinh năm 1938 *(Theo các văn bản ủy quyền đề ngày 31/3/2015, 24/01/2018, 28/02/2018)*;*(có mặt);*

Địa chỉ: phường B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

3/- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1952 *(chết năm 2017);*

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Văn C:

3.1.1/- Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1976 *(ngày 20/6/2018 có đơn xin vắng mặt tất cả các phiên tòa)*;

Địa chỉ: Phường A, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

3.1.2/- Ông Ngô Minh T2, sinh năm 1978 *(ngày 20/6/2018 có đơn xin vắng mặt tất cả các phiên tòa)*;

3.1.3/- Bà Võ Thị T, sinh năm 1955 *(là nguyên đơn vắng mặt, nhưng có ủy quyền cho ông Lê Văn Hữu H tham gia tố tụng);*

Cùng địa chỉ: khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

3.2/- Ông Ngô Minh T2, sinh năm 1978 *(ngày 20/6/2018 có đơn xin vắng mặt tất cả các phiên tòa)*;

Địa chỉ: khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

3.3/- Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang *(có văn bản số 5282/UBND-TG ngày 04/9/2019 xin vắng mặt tất cả các phiên tòa).*

Địa chỉ: Phường B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ủy ban thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang: Bà Phạm Thị Trúc H2- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Mỹ T *(vắng mặt).*

4/- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn I là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/02/2012, biên bản hòa giải ngày 11/9/2018 nguyên đơn bà Võ Thị T, đại diện theo ủy quyền của Bà T là ông Lê Văn Hữu H trình bày:*

Bà T có sử dụng phần đất 68,3m^2, tọa lạc tại tổ Y, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của cha Bà T cho năm 1972. Năm 1981 cha Bà T chuyển nhượng cho ông Lê Văn G1 phần đất giáp ranh đất của bà. Sau đó ông G1 chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn M1, đến năm 1994 ông M1chuyển nhượng lại cho bà G. Vào năm 1993 Bà T có đi đăng ký kê khai đóng thuế nhưng không được cấp sổ đỏ vì là đất mương. Năm 2011, do nhà bị ngập nước nên Bà T làm đơn xin lấp mương mới biết bà G đã được cấp giấy chứng nhận phần đất của Bà T.

Nay Bà T yêu cầu Tòa án xác định phần đất 68,3m^2 *(đo đạc thực tế 61,3m^2)* thuộc quyền sử dụng đất của bà, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157 QSDĐ/884/QĐ.UB (03/10/2003) do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho hộ bà Đào Thị G đứng tên sử dụng ngày 26/5/2004; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Mỹ T cấp cho bà Đào Thị G.

** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 11/5/2012 và tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2018, bà Đào Thị G và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà G là ông Huỳnh Văn I trình bày:*

Bà G được đứng tên 4.833,1m^2 đất thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 11, loại đất thổ + quả, tọa lạc tại tổ Y, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do bà G nhận chuyển nhượng từ ông Võ Văn M1 vào năm 1994. Khi chuyển nhượng đất, ông M1có nói cho Bà T ở nhờ trên phần đất 68,3m^2 Ông M1chuyển nhượng nhượng từ ông Lê Phước B, ông B chuyển nhượng lại từ cha Bà T.

Nay bà G không đồng ý theo yêu cầu của Bà T. Lúc bà G còn sống có nộp đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Bà T, ông C và ông T2 trả lại 68,3m^2 đất này cho bà G, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Ngày 23/12/2016, bà G chết, chồng và con của bà G gồm ông Huỳnh Văn I, anh Huỳnh Tuyết M, chị Huỳnh Tuyết V, chị Huỳnh Tuyết T1 thống nhất với yêu cầu phản tố của bà G.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Văn C là bà Ngô Thị H1, ông Ngô Minh T2 thống nhất với ý kiến của Bà T.*

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đào Thị G là anh Huỳnh Tuyết M, chị Huỳnh Tuyết V, chị Huỳnh Tuyết T1 thống nhất với lời trình bày của bà G.*

**Tại công văn số 4434/UBND-TN&MT ngày 17 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T trình bày:*

Tại thời điểm năm 1994, ông Võ Văn L và bà Đào Thị G lập thủ tục chuyển nhượng thành quả lao động trên phần đất có diện tích 4.400m^2, có xác nhận của chính quyền địa phương, từ cơ sở đó bà G mới lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm trước đó, ông M1chưa tiến hành lập thủ tục cấp giấy.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà G lập thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và được Phòng kinh tế thành phố Mỹ T cấp tờ trình số 381/QLRĐ ngày 03/6/1994 (được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T duyệt số 935 ngày 13/6/1994) với diện tích 4.705,03m^2. Diện tích cấp tờ trình số 381/QLRĐ là diện tích đo đạc thực tế theo biên bản đo đạc ngày 11/4/1994 (đính kèm).

Đến năm 1996, bà G lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0048/QSDĐ ngày 25/10/1996 với diện tích 4.630m^2, diện tích cấp Giấy chứng nhận số 0048/QSDĐ là diện tích theo số bộ 299.

Đến năm 2001, thực hiện chủ trương của nhà nước về đăng ký cấp giấy chứng nhận theo tài liệu địa chính chính quy, hộ bà G đăng ký cấp giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp giấy chứng nhận 00157QSDĐ/QĐ.UB (03/10/2003) ngày 26/5/2004 với diện tích 4833,1m^2. Diện tích cấp giấy chứng nhận số 00157QSDĐ/QĐ.UB (03/10/2003) là diện tích theo tài liệu địa chính quy.

Nguyên nhân của việc cấp tờ trình năm 1994; Giấy chứng nhận năm 1996; Giấy chứng nhận năm 2003 có diện tích khác nhau: Do theo tài liệu đất đai khác nhau, phương tiện đo đạc khác nhau (đo bằng thước có độ chính xác không cao bằng đo bằng thiết bị chuyên dụng). Theo quy định diện tích cấp giấy chứng nhận là diện tích thực tế theo hiện trạng sử dụng, do vậy diện tích đất được cấp ghi trên Giấy chứng nhận số 00157QSDĐ/QĐ.UB (03/10/2003) ngày 26/5/2004 với diện tích 4.833,1m^2 của hộ bà G là diện tích có giá trị pháp lý cao nhất.

Việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ bà Đào Thị G, Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật đất đai.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2012/DS-ST ngày 31/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T đã xử:*

1/- Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T về việc công nhận phần đất ở + cây lâu năm diện tích 68,3m^2 thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại tổ Y, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của bà.

2/- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Thị G và ông Huỳnh Văn I.

- Buộc bà Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà G và ông A giá trị quyền sử dụng phần đất ở + cây lâu năm diện tích 68,3m^2 là 61.470.000 đồng *(Sáu mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

- Bà Võ Thị T được quyền đăng ký kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ở + cây lâu năm diện tích 68,3m^2 tọa lạc tại tổ Y, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang *(trong đó đất ở diện tích 57,58m^2, đất cây lâu năm 10,72m^2)*. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06/8/2012 nguyên đơn bà Võ Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

**Tại bản án dân sự phúc thẩm số 110/2013/DSPT ngày 11/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:*

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T.

2/- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 81/2012/DSST ngày 31/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

**Tại Quyết định giám đốc thẩm số 447/2014/DS-GĐT ngày 20/11/2014 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:*

1/- Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 110/2013/DSPT ngày 11/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án dân sự sơ thẩm số 81/2012/DSST ngày 31/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang. .

2/-Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Ngày 18/3/2015 Tòa án nhân dân thành phố Mỹ T đã thụ lý lại vụ án, sau đó ra Quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thẩm quyền với lý do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là chị Huỳnh Tuyết V đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 17/6/2005 trước khi Tòa án thụ lý vụ án.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T.

- Bà Võ Thị T được trọn quyền sử dụng phần đất diện tích 68,3m^2 *(đo là 61,3m^2)*, loại đất thổ thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 11. Địa chỉ thửa đất: Tổ 6, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang *(có sơ đồ vị trí đất kèm theo).*

- Bà Võ Thị T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai để đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Đào Thị G số 0048/QSDĐ ngày 25/10/1996 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157 QSĐĐ/884/QĐ.UB (03/10/2003) ngày 26/5/2004.

- Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01027 ngày 23/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Huỳnh Tuyết M đứng tên diện tích 61,3m^2 đất nêu trên qua tên của bà Võ Thị T.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị G và ông Huỳnh Văn I.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, ông Huỳnh Văn I là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T và hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Những người tham gia tố tụng không tự thỏa thuận được với nhau ở tại phiên tòa, đều yêu cầu Tòa án giải quyết theo căn cứ pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, nên không làm thay đổi được bản chất nội dung vụ án, nên đề nghị bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn I; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm; *Sau khi nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Văn I cho rằng bản án sơ thẩm không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; nhận thấy: Bản án sơ thẩm chỉ kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01027 ngày 23/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Huỳnh Tuyết M đứng tên diện tích 61,3m^2 đất nêu trên qua tên của bà Võ Thị T. Như vậy việc kiến nghị này không nhất thiết bắt buộc phải đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang vào tham gia tố tụng, nên bản án sơ thẩm không vi phạm tố tụng phần này.

[3]- Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn I, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1]- Ông Huỳnh Văn I và bà Võ Thị T cùng xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha mẹ Bà T là cụ C1và cụ B1. Theo các văn bản chuyển quyền sử dụng đất từ cụ B1 sang ông B, từ ông B sang ông M1và từ ông M1sang bà G đều không thể hiện nội dung các bên chuyển nhượng cho nhau bao gồm có cả phần đất có căn nhà của Bà T, trong khi Bà T sử dụng từ năm 1972 đến nay.

[3.2]- Ông Huỳnh Văn I cho rằng, tại "*Tờ cam kết ngày 11/4/1994"* và *"Biên bản về việc đo đạc xác định ranh giới quyền sử dụng đất của bà Đào Thị G ngày 29/4/1994"* có nội dung xác định: Bà T ở nhờ (hết đời) trên đất ông M1, nay là đất bà G, có chữ ký đề tên Bà T. Tuy nhiên, Bà T không thừa nhận. Theo Kết luận giám định số 3299/C54B ngày 23/11/2015 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Võ Thị T dưới mục *"Người cam kết"* trên *"Tờ cam kết"* đề ngày 11/4/1994 so với chữ ký đứng tên Võ Thị T trên các mẫu tài liệu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không. Do đó, không có cơ sở xác định bà G chuyển nhượng đất của ông M1, có phần đất 68,3m^2 mà gia đình Bà T đã xây cất hay không. Mặt khác, Bà T đã sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1972. Căn cứ vào khoản 1 Điều 247 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *"Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản sso, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu"*. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định 68,3m^2 đất tranh chấp *(đo đạc thực tế 61,3m^2)* tại thửa 25, tờ bản đồ số 11, địa chỉ tổ 6, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của Bà T là có căn cứ.

[3.3]- Do xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Bà T nên

Tòa án sơ thẩm kiến nghị Ủy ban nhân dân thu hồi, điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà G và kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Minh là phù hợp.

[3.4]- Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 150, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm buộc ông Huỳnh Văn I, ông Huỳnh Tuyết M, bà Huỳnh Tuyết T1 và bà Huỳnh Tuyết V có trách nhiệm liên đới hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Võ Thị T số tiền 12.624.358 đồng là phù hợp.

[4]- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A không đưa ra tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Bà T và kiến nghị thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn I. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5]- Tuy nhiên, xét phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: *"Bà Võ Thị T được trọn quyền sử dụng phần đất diện tích 68,3m^2 (đo là 61,3m^2)"* tuyên như vậy là không rõ ràng, dễ nhầm lẫn khi thi hành án. Cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho đúng với thực tế diện tích đất tranh chấp.

[6]- Về án phí: Ông Huỳnh Văn I không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do ông A là người cao tuổi.

[7]- Các phần khác của Quyết định bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng các Điều 26, 34, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 135, Điều 136 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 247, Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị T.

- Công nhận cho bà Võ Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 61,3m^2, loại đất thổ thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 11. Địa chỉ thửa đất: Tổ 6, khu phố Tân B, phường Tân L, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang *(có sơ đồ vị trí đất kèm theo).*

- Bà Võ Thị T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai để đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Đào Thị G số 0048/QSDĐ ngày 25/10/1996 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00157 QSĐĐ/884/QĐ.UB (03/10/2003) ngày 26/5/2004.

- Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01027 ngày 23/5/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Huỳnh Tuyết M đứng tên diện tích 61,3m^2 đất nêu trên qua tên của bà Võ Thị T.

2/- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị G và ông Huỳnh Văn I.

3/- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Văn I, ông Huỳnh Tuyết M, bà Huỳnh Tuyết T1 và bà Huỳnh Tuyết V có trách nhiệm liên đới hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Võ Thị T số tiền 12.624.358 đồng khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đươc thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4/- Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Văn I, ông Huỳnh Tuyết M, bà Huỳnh Tuyết T1 và bà Huỳnh Tuyết V phải chịu 400.000đ *(Bốn trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền 400.000đ *(Bốn trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 016048 ngày 10/02/2012 và biên lai thu số 016700 ngày 06/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, 23bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Khởi